

Số: **3127**/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **06** tháng **10** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới;
thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi
quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền
địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số
61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa,
một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản được công bố tại Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và

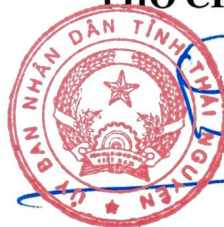
Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /..sm

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

Trang.10.2021. /..sm

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 06-10-2021 13:45:08 +07:00

Lê Quang Tiến

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND

ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|------------|---|--|--|----------------------|---|
| I | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH | | | | |
| I.1 | Lĩnh vực lâm nghiệp | | | | |
| 1 | Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ | a) Trường hợp không phải xác minh: 01 ngày làm việc. b) Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc; 13 ngày làm việc đối với trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra xác minh. | - Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. - Thẩm quyền Quyết định: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 210, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. | Không quy định | 1. Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; 2. Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|--------------|---|---|---|----------------------|---|
| II | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN | | | | |
| II.1 | Lĩnh vực lâm nghiệp | | | | |
| 1 | Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | - Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện. | Không quy định | 1. Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; 2. Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |
| III | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ | | | | |
| III.1 | Lĩnh vực phòng, chống thiên tai | | | | |
| 1 | Hỗ trợ khám chữa bệnh, | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được | - Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: | Không quy định | 1. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|--|----------------------|--|
| | trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội | <p>đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - UBND cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định trợ cấp. <p>Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người</p> | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã | | <p>Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều.</p> <p>2. Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|----------------------|---|
| | | nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện. | | | |
| 2 | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội. | <p>30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc. <p>Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn</p> | <p>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã</p> | Không quy định | <p>1. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.</p> <p>2. Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|----------------------|----------------|
| | | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện. | | | |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|------------|---|---|---|--|---|
| I | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH | | | | |
| I.1 | Lĩnh vực Bảo vệ thực vật | | | | |
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật | Trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch | - Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Kiểm dịch viên ủy quyền thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thái Nguyên. | - Phí <i>thảm định</i> : <i>Không quy định</i> ¹ | 1. Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; 2. Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 quy định về kiểm dịch thực vật nội |

¹ Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---------------------|--|----------------------|--|
| | | | Địa chỉ: số 726, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên . | | <p>địa do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành;</p> <p>3. <i>Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp;</i></p> <p>4. <i>Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy</i></p> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|
| | | | | | <i>sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.²</i> |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Căn cứ pháp lý |
|----------|------------------------------------|--|---|--|
| I | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH | | | |
| 1 | 2.001241.000.00.00.H55 | Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò. | Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản | Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2021 |
| 2 | 2.001838.000.00.00.H55 | Cấp đổi phiếu kiểm soát thu hoạch sang giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò. | Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản | Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2021 |

² Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung